CHUẨN ĐẦU RA

**Đối với khối học vấn Ngành (66 Tín chỉ), Nhóm ngành (10 Tín chỉ)   
và Nhóm nghề (25 Tín chỉ)**

Bảng ma trận các tiêu chuẩn, tiêu chí, thể hiện   
của năng lực thực hiện (chỉ báo) và mã chuẩn đầu ra (tiêu chuẩn 4)

| **Tiêu chuẩn** | | **Tiêu chí** | **Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện**  **(Chỉ báo)** | **Mã chuẩn đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất** | **Tiêu chí 1:**  ***Yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước*** | -Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.  - Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam.  - Yêu quê hương, yêu đất nước; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc | CĐR 1 |
| **Tiêu chí 2:**  ***Yêu nghề và tự hào về nghề Việt Nam học*** | - Nhận thức được hai giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề nghiệp Việt Nam học trong thời đại hiện nay là: có chiến lược xây dựng, quảng bá hình ảnh đất nước; đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch.  - Yêu nghề, tận tâm với nghề.  - Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề nghiệp về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch. | CĐR 2 |
| **Tiêu chí 3:**  ***Trung thực và đáng tin cậy*** | - Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải.  - Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.  - Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng. | CĐR 3 |
| **Tiêu chí 4:**  ***Trách nhiệm và tận tâm*** | - Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.  - Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân.  - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập.  - Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.  - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. | CĐR 4 |
| **Tiêu chí 5:**  ***Ý thức tự học, tự trau dồi kiến thức kĩ năng nghề nghiệp suốt đời*** | - Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự trau dồi kiến thức kĩ năng nghề nghiệp suốt đời đối với người nghiên cứu và thực hành văn hóa. Qua đó, có ý thức trở thành người *biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ*.  - Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học suốt đời để phục vụ cho cuộc sống và công việc hiện tại và tương lai của chính người học.  - Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học phù hợp để đạt được mục đích. | CĐR 5 |
| **Năng lực** | **Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung** | **Tiêu chí 1:**  ***Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi*** | - Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.  - Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.  - Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới.  - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội.  - Hình thành và sử dụng được hệ thống kĩ năng (cơ bản và kĩ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi. | CĐR 6 |
| **Tiêu chí 2:**  ***Năng lực giao tiếp và hợp tác*** | - Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn.  - Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội.  - Thực hiện được các yêu cầu trong giao tiếp với đối tác văn hóa, báo chí - truyền thông, du lịch, cán bộ quản lí và đồng nghiệp.  - Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.  - Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.  - Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả.  - Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp.  - Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. | CĐR 7 |
| **Tiêu chí 3:**  **Năng lực lãnh đạo** | - Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp.  - Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.  - Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc. | CĐR 8 |
| **Tiêu chí 4:**  ***Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*** | - Đưa ra được ý tưởng mới.  - Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.  - Hình thành và triển khai được ý tưởng mới.  - Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.  - Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.  - Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự. | CĐR 9 |
| **Tiêu chí 5:**  ***Năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội*** | - Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước.  - Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sốn*g* tinh thần phong phú và lối sống cóvăn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường công tác hiện nay  - Thiết kế và tổ chức được các hoạt động liên quan đến nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch để hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động này. | CĐR 10 |
|  | **Tiêu chí 6:**  ***Năng lực phản biện*** | - Có tư duy độc lập.  - Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin.  - Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận. | CĐR 11 |
| **Tiêu chuẩn 3: Năng lực  nghề nghiệp** | **Tiêu chí 1:**  ***Năng lực nắm bắt nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp*** | - Xây dựng được kế hoạch làm việc đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ và chức năng nghề nghiệp.  - Xây dựng được kế hoạch thực hiện đối với từng nhiệm vụ cụ thể.  - Đánh giá kết quả nhiệm vụ đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp.  - Xây dựng và quản lí hồ sơ hoạt động nghề.  - Phối hợp với các đơn vị, cơ quan hữu quan khác. | CĐR 12 |
| **Tiêu chí 2:**  ***Năng lực thực hiện các nhiệm vụ của nghề nghiệp*** | - Thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp đáp ứng các yêu cầu của đơn vị công tác.  - Hoàn thành công việc ở mức tốt nhất. | CĐR 13 |
| **Tiêu chí 3:**  ***Năng lực hoàn thiện sản phẩm nghề*** | - Tìm hiểu một cách đầy đủ, toàn diện về vị trí việc làm trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch.  - Thực hiện việc hoàn thiện sản phẩm liên quan đến các vị trí việc làm của nghề trong các lĩnh vực văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch. | CĐR 14 |
| **Tiêu chí 4:**  ***Năng lực hoạt động xã hội*** | -Tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với việc nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học, văn hóa, báo chí - truyền thông và du lịch.  - Phát huy vai trò của người kết nối văn hóa Việt Nam với văn hóa các nước trên thế giới. | CĐR 15 |
| **Tiêu chí 5:**  ***Năng lực phát triển nghề nghiệp*** | - Nhận thức về phát triển nghề nghiệp của bản thân.  - Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.  - Tự đánh giá kết quả phát triển nghề nghiệp của bản thân. | CĐR 16 |
| **Tiêu chuẩn 4: Năng lực ngành** **Việt Nam học** | **Tiêu chí 1:**  ***Năng lực Việt Nam học*** | - Vận dụng được các thành tố của năng lực thẩm mĩ, năng lực tư duy và lập luận Việt Nam học.  - Vận dụng được các thành tố của năng lực mô hình hoá Việt Nam học.  - Vận dụng được năng lực lí thuyết và ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề Việt Nam học.  - Vận dụng được năng lực giao tiếp Việt Nam học. | CĐR 17 |
| **Tiêu chí 2:**  ***Năng lực sử dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Việt Nam học trong Chương trình Giáo dục đại học và Giáo dục phổ thông*** | - Nhận biết được toàn bộ nội dung Chương trình Việt Nam học một cách chính xác trong chỉnh thể khu vực học và đất nước học.  - Giải thích được một cách thấu đáo nội dung trong Chương trình Việt Nam học bằng học vấn văn hoá học, báo chí - truyền thông và du lịch.  - Hình thành được cái nhìn sáng rõ từ Việt Nam học hiện đại xuống các mạch nội dung trong chương trình văn hoá, báo chí - truyền thông và du lịch.  - Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong Chương trình Việt Nam học thông qua các tham chiếu:  + Đáp ứng mục tiêu dạy Việt Nam học trong Nhà trường.  + Vị trí trong bức tranh chung của Việt Nam học và xu thế phát triển của Việt Nam học.  + Vị trí trong tiến trình hình thành nội dung chương trình văn hoá học, báo chí - truyền thông và du lịch trong lịch sử hình thành hệ thống tri thức Việt Nam học.  + Vị trí, vai trò của tri thức Việt Nam học trong mối quan hệ tích hợp và liên môn, cũng như trong bức tranh chung của chương trình giáo dục quốc gia. | CĐR 18 |
| **Tiêu chí 3:**  ***Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học Việt Nam học vào thực tiễn*** | - Nhận biết được vai trò của Việt Nam học trong thế giới ngày nay, đặc biệt trong kỉ nguyên toàn cầu hoá và 4.0.  - Giải thích được nguồn gốc các khái niệm và hiện tượng văn hoá - xã hội trong thực tiễn đời sống.  - Vận dụng được tri thức Việt Nam học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.  - Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Việt Nam học vào việc hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực nghề nghiệp. | CĐR 19 |
| **Tiêu chí 4:**  ***Năng lực nghiên cứu Việt Nam học và khoa học liên ngành*** | - Tạo dựng được một nền tảng Việt Nam học vững chắc ở mức độ tri thức Việt Nam học bậc đại học.  - Thực hiện được nghiên cứu khoa học cơ bản Việt Nam học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  - Tạo dựng được một nền tảng tri thức vững chắc về khoa học giáo dục Việt Nam học ở mức độ học vấn Việt Nam học bậc đại học. | CĐR 20 |
| **Tiêu chí 5:**  ***Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn*** | - Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ.  - Sử dụng được các tài liệu bằng tiếng Anh nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập. | CĐR 21 |
| **Tiêu chí 6:**  ***Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn*** | - Sử dụng và quản lí được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.  - Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lí được các nguồn tài nguyên thông tin.  - Sử dụng được công nghệ thông tin trong dạy học - giáo dục. | CĐR 22 |